1. **Phân tích quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, từ đó làm rõ tầm quan trọng của quan điểm tôn trọng khách quan, phát huy tính năng động sáng tạo chủ quan trong sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội. Lấy ví dụ ở Việt Nam, sinh viên vận dụng quan điểm này như thế nào?**

Mối quan hệ vật chất và ý thức là "Vấn đề cơ bản của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại". Theo quan điểm triết học Mác - Lênin, vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng, trong đó vật chất quyết định ý thức, còn ý thức tác động tích cực trở lại vật chất.

**\* Vật chất quyết định ý thức.**

Vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức được thể hiện trên mấy khía cạnh sau:

- Thứ nhất, vật chất quyết định nguồn gốc của ý thức. Vật chất là cái cótrước, còn ý thức là cái có sau; vật chất là tính thứ nhất, còn ý thức là tính thứ hai. Vật chất tồn tại khách quan, độc lập với ý thức và là nguồn gốc sinh ra ý thức. Sự vận động của thế giới vật chất là yếu tố quyết định sự ra đời của cái vật chất có tư duy là bộ óc người.

- Thứ hai, vật chất quyết định nội dung của ý thức. Ý thức dưới bất kỳ hình thức nào, suy cho cùng, đều là phản ánh hiện thực khách quan. Thế giới khách quan, mà trước hết và chủ yếu là hoạt động thực tiễn có tính xã hội - lịch sử của loài người là yếu tố quyết định nội dung mà ý thức phản ảnh.

- Thứ ba, vật chất quyết định bản chất của ý thức. Phản ánh và sáng tạo là hai thuộc tính không tách rời trong bản chất của ý thức. Sự phản ánh của con người là phản ánh tích cực, tự giác, sáng tạo thông qua thực tiễn. Chính thực tiễn là hoạt động vật chất có tính cải biến thế giới của con người - là cơ sở để hình thành, phát triển ý thức, trong đó ý thức của con người vừa phản ánh, vừa sáng tạo, phản ánh để sáng tạo và sáng tạo trong phản ánh.

- Thứ tư, vật chất quyết định sự vận động, phát triển của ý thức. Mọi sự tồn tại, phát triển của ý thức đều gắn liền với quá trình biến đổi của vật chất; vật chất thay đổi thì sớm hay muộn, ý thức cũng phải thay đổi theo.

=> Vật chất và ý thức là hai hiện tượng đối lập nhau về bản chất, nhưng về mặt nhận thức luận, cần quán triệt sâu sắc tư tưởng biện chứng của V.I. Lênin, rằng "sự đối lập giữa vật chất và ý thức chỉ có ý nghĩa tuyệt đối trong những phạm vi hết sức hạn chế: trong trường hợp này chỉ giới hạn trong vấn đề nhận thức luận cơ bản là thừa nhận cái gì có trước và cái gì là cái có sau? Ngoài giới hạn đó, thì không còn nghi ngờ gì nữa rằng sự đối lập đó là tương đối".

**\* Ý thức có tính độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất.**

Điều này được thể hiện trên những khía cạnh sau:

- Thứ nhất, tính độc lập tương đối của ý thức thể hiện ở chỗ, ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất vào trong đầu óc con người, do vật chất sinh ra, nhưng khi đã ra đời thì ý thức có “đời sống” riêng, có quy luật vận động, phát triển riêng, không lệ thuộc một cách máy móc vào vật chất. Ý thức một khi ra đời thì có tính độc lập tương đối, tác động trở lại thế giới vật chất.

- Thứ hai, Sự tác động của ý thức đối với vật chất phải thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Nhờ hoạt động thực tiễn, ý thức có thể làm biến đổi những điều kiện, hoàn cảnh vật chất, thậm chí còn tạo ra “thiên nhiên thứ hai” phục vụ cho cuộc sống của con người.

- Thứ ba, vai trò của ý thức thể hiện ở chỗ nó chỉ đạo hoạt động, hành động của con người; nó có thể quyết định làm cho hoạt động của con người đúng hay sai, thành công hay thất bại.

- Thứ tư, xã hội càng phát triển thì vai trò của ý thức ngày càng to lớn, nhất là trong thời đại ngày nay, khi mà tri thức khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, vai trò của tri thức khoa học, của tư tưởng chính trị, tư tưởng nhân văn là hết sức quan trọng.

=> Tính năng động, sáng tạo của ý thức mặc dù rất to lớn, nhưng nó không thể vượt quá tính quy định của những tiền đề vật chất đã xác định, phải dựa vào các điều kiện khách quan và năng lực chủ quan của các chủ thể hoạt động. Biểu hiện ở mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong đời sống xã hội là quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội,trong đó tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội,đồng thời ý thức xã hội có tính độc lập tương đối và tác động trở lại tồn tại xã hội .Ngoài ra, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức còn là cơ sở để nghiên cứu,xem xét các mối quan hệ khác như: lý luận và thực tiễn,khách thể và chủ thể,vấn đề chân lý …

* **Liên hệ thực thực tiễn hiện nay ở Việt Nam:**

Từ lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và từ kinh nghiệm thành công, thất bại trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút ra bài học quan trọng là: “Mọi chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng qui luật hiện thực khách quan”.

Nguyên tắc này đòi hỏi chúng ta trong nhận thức và hành động phải xuất phát từ bản thân sự vật, từ hiện thực khách quan, phản ánh sự vật đúng với những gì vốn có của nó, không lấy ý muốn chủ quan của mình làm chính sách, không lấy ý chí chủ quan áp đặt cho thực tế, phải tôn trọng sự thật, tránh thái độ chủ quan nóng vội, phiến diện, định kiến… Yêu cầu của nguyên tác tính khách quan còn đòi hỏi phải tôn trọng và hành động theo qui luật khách quan.

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Đảng chủ trương: “Huy động ngày càng cao mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước, đ8ạ biệt là nguồn lực của dân vào công cuộc phát triển đất nước”. Đó là chính sách chiến lược về con người, về phát triển giáo dục và đào tạo...

Vì vậy, phải “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, thực hiện mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủa và văn minh”.

1. **Phân tích quan điểm toàn diện. Vận dụng quan điểm trên vào việc nhận thức tính tất yếu của quá trình hội nhập kinh tế của nước ta hiện nay. Sinh viên vận dụng quan điểm toàn diện này như thế nào?**

* Quan điểm toàn diện: Quan điểm toàn diện là nguyên tắc phương pháp luận được rút ra từ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến trong phép biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhận thức đúng về quan điểm toàn diện và vận dụng nó trong quá trình phát triển là điều vô cùng quan trọng và cần thiết. Để hiểu một cách đúng đắn và sâu sắc về quan điểm toàn diện đòi hỏi chúng ta phải tìm hiểu kĩ lưỡng cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện trong lịch sử triết học và đặc biệt là nguyên lý về mối liên hệ phổ biến trong phép biện chứng duy vật của triết học Mác - Lênin.
* Vận dụng quan điểm trên vào việc nhận thức tính tất yếu của quá trình hội nhập kinh tế của nước ta hiện nay:

Trong công cuộc đổi mới của nước ta hiện nay, chúng ta chủ trương tiến hành đổi mới đồng bộ phải kết hợp ngay từ đầu, đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội. Trong đó, đổi mới kinh tế là trọng tâm, còn đổi mới chính trị thúc đẩy đổi mới kinh tế. Đổi mới kinh tế là tiền đề cho đổi mới chính trị, nó tạo ra nền tảng vật chất cho ổnđịnh về chính trị xã hội, nó làm nảy sinh nhu cầu đổi mới hệ thống chính trị , làm cho nó năng động và trở thành động lực thực sự của sự phát triển kinh tế. Đổi mới chính trị phải xuất phát từ yêu cầu đổi mới kinh tế, phải phù hợp với đổi mới kinh tế. Đổi mới chính trị là đổi mới ở bộ phận quan trọng của bộ phận kinh tế thị trường, đổi mới chính trị thể hiện ở đổi mới tổ chức, đổi mới bộ máy, phân cấp lãnh đạo của Đảng, dân chủ hóa trước hết từ trong Đảng.

+ Đổi mới chính trị tạo tiền đề cho đổi mới kinh tế.

Khi đường lối chính trị, thiết chế chính trị được đổi mới phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thì chính trị trở thành định hướng cho phát triển kinh tế. Đồng thời tạo môi trường phát triển về an ninh trật tự để phát triển, kinh tế và chính trị còn đóng vai trò can thiệp, điều tiết, khắc phục những mặt trái do đổi mới kinh tế đưa đến.

Một trong những đặc trưng cơ bản của CNXH đó là nền kinh tế nhiều thành phần, trước đây do nhận thức sai lầm chúng ta đã xóa bỏ mọi thành phần kinh tế chỉ còn lại hai thành phần kinh tế là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, thì nay chúng ta phải chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong đó thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và đi đôi với vai trò tăng cường quản lý của nhà nước về kinh tế - xã hội.

Trước đại hội VI chúng ta đã nóng vội và nhất loạt xây dựng quan hệ sản xuất một thành phần dựa trên cơ sở công hữu XHCN về tư liệu sản xuất, làm như vậy là chúng ta đã đẩy QHSX đi quá xa so với trình độ phát triển của LLSX tạo ra mâu thuẫn giữa một bên là LLSX thấp kẽm với một bên QHSX được xã hội hóa giả tạo, dẫn đến kìm hãm sự phát triển của LLSX làm cho đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội.

Từ đại hội VI đến nay, khắc phục sai lầm trên, chúng ta thực hiện xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và coi nó là nhiệm vụ cơ bản của quá trình đổi mới toàn diện nền kinh tế. Vậy nền kinh tế thị trường định hướng XHCN thực chất là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

Xuất phát từ tính chất và trình độ của LLSX nước ta là đa dạng, không đồng đều và chưa cao. Thực tiễn 20 năm đổi mới đã khẳng định chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần là phù hợp với phát triển LLSX ở nước ta. Nó đã thực sự giải phóng, phát triển, khơi dậy các tiềm năng sản xuất, khơi dậy năng lực sáng tạo chủ động của các chủ thể lao động trong sản xuất, đưa nước ta ra khỏi thời kỳ khủng hoảng kinh tế xã hội.

Cơ chế quản lý quan liêu bao cấp từ nhiều năm nay đã không tạo được động lực phát triển và gây ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Do đó đại hội VI đã chủ trương đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế và chỉ ra thực chất của cơ chế mới đó là “ Cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh XHCN, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ”.

Việc xây dựng kinh tế hàng hóa nhiều thành phần cũng có nghĩa là chúng ta chấp nhận đa dạng hóa các hình thức sở hữu để phát triển kinh tế nước nhà.

Phát triển kinh tế thị trường là một tất yếu kinh tế với nước ta, một nhiệm vụ kinh tế cấp bách để chuyển nền kinh tế lạc hậu của nước ta thành nền kinh tế hiện đại, hội nhập vào sự phân công lao động quốc tế. Đó là con đường đúng đắn để phát triển lực lượng sản xuất, khai thác có hiệu quả tiềm năng của đất nước vào sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

Trên cơ sở đánh giá những vẫn đề thực tiễn trong đổi mới cơ chế quản lý ở nước ta từ năm 1986 tới nay, trong các kỳ Đại hội Đảng ta tiếp tục làm rõ nội dung và phương thức đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo hướng “xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường theo định hướng XHCN”. Điều đó thực chất là quá trình đổi mới các công cụ, chính sách quản lý và tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước.

Và một trong những nội dung quan trọng trong công cuộc đổi mới đất nước đó là mở rộng và năng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Đại hội VI đã chỉ rõ “cùng với việc mở rộng xuất nhập khẩu, tranh thủ vốn viện trợ và vay dài hạn cần vận dụng nhiều hình thức đa dạng để phát triển kinh tế đối ngoại”. Thực hiện chủ trương đó, Nhà nước đã ban hành chính sách mở cửa để thu hút vốn và kỹ thuật nước ngoài, từng bước gắn nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới, thị trường trong nước và thị trường quốc tế trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, đảm bảo độc lâp, chủ quyền dân tộc và an ninh quốc gia.

+ Vận dụng bản thân: Là một sinh viên thì việc vận dụng quan điểm toàn diện có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình học tập và phát triển của mỗi chúng ta. Nó góp phần định hướng, chỉ đạo các hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn và cải tạo bản thân chúng ta. Nhưng ta phải biết cách vận dụng nó như thế nào là tốt nhất đối với chúng ta trong từng không gian thời gian cụ thể. Áp dụng trong học tập: Học là việc vô cùng quan trọng đối với sinh viên để có thể phát triển và hoàn thiện bản thân. Nhưng học như thế nào để có thể đạt được kết quả như mong đợi thì không phải là chuyện dễ. Việc áp dụng quan điểm toàn diện trong học tập là việc rất cần thiết để ta có thể nắm bắt toàn diện những điều cần học rồi góp phần đưa ra phương pháp học thích hợp cho bản thân. Cụ thể là khi áp dụng quan điểm toàn diện thì ta sẽ đặt việc học tập vào các mối liên hệ khác nhau: cần học cái gì, khi nào thì học, học như thế nào, áp dụng ở đâu, áp dụng như thế nào..., từ đó ta có thể rút ra mối quan hệ giữa những điều ta học được để tạo nên một hệ thống kiên thức cần thiết cho quá trình học tập. Ví dụ như khi học môn lý thì có những kiến thức của môn lý không làm rõ mà chỉ khái quát vấn đề, trong khi có những bộ môn khác lại tập trung làm rõ vấn đề đó thì ta phải tìm hiểu để có thể hiểu sâu sắc hơn vấn đề và phải tiếp thu những ý kiến khác nhau để so sánh. Nhưng người ta vẫn thường nói “học đi đôi với hành”, và chỉ khi nào áp dụng những thứ học được vào thực tế thì mới có thể đối chiếu để so sánh xem những điều mình học đã đúng hay chưa, có phát sinh ra những vấn đề khác hay không.

Qua quan điểm toàn diện ta có thể thấy mối quan hệ của việc học, và việc vận dụng quan điểm toàn diện không chỉ có áp dụng trong học tập mà còn áp dụng trong quá trình học, tu dưỡng các phẩm chất đạo đức để hoàn thiện bản thân. Một con người “có tài mà không có đức cần rất nhiều phẩm chất góp lại để tạo nên. Nó được bộc lộ trong mọi thời gian không gian khác nhau, nó phản ánh đúng bản chất con người trong việc đối nhân xử thế. Áp dụng trong cuộc sống hằng ngày: Trong cuộc sống hằng ngày có vô số các sự vật hiện tượng xảy ra trước chúng ta mà ta không nhìn nhận một cách đúng đắn sẽ làm cho ta hiểu sai bản chất vấn đề, không đúng với sự thật. Ví dụ như cách chọn cho mình những người bạn phù hợp với bản thân.Không phải chỉ vì cái là nhìn đầu tiên là ta có thể đánh giá đó là một người bạn tốt hay xấu được cho dù đó là một người có ngoại hình đẹp,dễ nhìn hay chỉ là người có ngoại hình xấu, khi nhìn đã có ấn tượng không tốt về họ.Người ta thường nói “cha sinh con trời sinh tính”,tính cách và ngoại hình là hai mặt khác nhau của một con người vì vậy khi đánh giá một con người qua vẻ bề ngoài là hoàn toàn phiến diện.Cho dù trong một hoàn cảnh cụ thể nào đó người đó có những cử chỉ tốt hay nhìn có vẻ rất thân thiện, dễ gần gũi thì cũng chỉ gây ấn tượng tốt ban đầu đối với chúng ta chứ không thể khẳng định đó là một người bạn tốt.Đôi khi đó chỉ là cách gây ấn tượng với người khác của họ chứ không phải là bản chất thật sự của họ.Mà quá trình đánh giá một con người là một quá trình lâu dài và toàn diện về nhiều mặt khác nhau của họ.Cách thức họ ứng xử, giao tiếp với mọi người xung quanh, cách họ làm việc với bản thân và tập thể.Bác Hồ đã nói “vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”,công việc xây dựng một con người tốt không phải trong một thời gian ngắn mà là cả một đời người.Cho thấy công việc đánh giá con người cũng phải là một công việc lâu dài,một ngày có thể ta không thấy nhưng nhiều ngày ta sẽ thấy họ như thế nào:ích kỉ, nhỏ nhen,vụ lợi hay là một người rộng lượng,tốt bụng để ta có thể chọn lựa đúng đắn hơn.Qua đó ta cũng thấy rằng cho dù có những người không tốt ở hiện tại nhưng chưa chắc họ sẽ 10 không tốt ở tương lai,vì vậy ta hãy đánh giá lại khi họ đã thay đổi để có cái nhìn toàn diện hơn.Ngoài ra,ta còn áp dụng quan điểm toàn diện trong giao tiếp hằng ngày với mọi người xung quanh.Tùy trường hợp cụ thể mà ta có những cách cư xử khác nhau cho phù hợp,ta phải biết mình đứng ở đâu,vị trí nào trong hoàn cảnh đó để có cách ứng xử và lời nói,suy nghĩ cho phù hợp.Ví dụ như khi giao tiếp với người lớn thì ta cần có thái độ tôn trọng,lễ phép.Còn khi nhìn nhận một vấn đề thì ta cần đặt nó vào những mối liên hệ,xem xét tất cả các mặt để đưa ra những kết luận đúng đắn. Áp dụng quan điểm toàn diện không những giúp ta có những đánh giá tốt đẹp hơn với mọi người xung quanh

1. **Phân tích quy luật mâu thuẫn biện chứng, trên cơ sở quy luật đó nhận thức quá trình đổi mới tại Việt Nam. Anh chị hãy phân tích một số biểu hiện của mâu thuẫn biện chứng đang tồn tại trong xã hội hiên nay và đưa ra phương hướng giải quyết**

Mâu thuẫn biện chứng: Mâu thuẫn biện chứng là một trạng thái mà mặt đối lập liên hệ, chúng có tác động qua lại với nhau, theo đó mâu thuẫn biện chứng được tồn tại một cách khách quan, phổ biến ở trong xã hội, tư duy và tự nhiên. Trong mâu thuẫn biện chứng tư duy có sự phản ánh mâu thuẫn đối với hiện thực, nguồn gốc phát triển nhận thức.

+ Sự thống nhất của các mặt đối lập:

Sự thống nhất của các mặt đối lập: là sự nương tựa với nhau, tồn tại nhưng không tách rời với nhau của các mạt đối lập, tự tồn tại đó phải lấy sự tồn tại của mặt khác để làm tiền đề.

Sự thống nhất đó tạo lên những nhân tố “đồng nhất” của các mặt đối lập. Khi ở một mức độ nào đó chúng sẽ có thể chuyển hóa cho nhau.

Sự thống nhất của các mặt đối lập cũng có biểu hiện tác động ngang nhau, đó chỉ là trạng thái vận động khi có sự diễn ra căn bằng.

+ Sự đấu tranh của các mặt đối lập

Đấu tranh của các mặt đối lập là sự tác động qua lợi với nhau theo xu hướng là bài trừ, phủ định lẫn nhau giữa các mặt đó.

Hình thức đấu tranh các mặt đối lập vô cùng phong phú và đa dạng, tùy thuộc vào mối quan hệ qua lại của điều kiện diễn ra cuộc đấu tranh và các mặt đối lập, tính chất.

+ Sự thống nhất, đấu tranh các mặt đối lập chính là hai xu hướng tác động khác nhau mặt đối lập

Trong đó, hai xu hướng này tạo ra loại mâu thuẫn đặc biệt, từ đó mâu thuẫn biện chứng bao gồm sự thống nhất và sự đấu tranh của mặt đối lập.

Trong quá trình phát triền và vận động thì sự thống nhất, đấu tranh của mặt đối lập không tách rời nhau.

+ Đấu tranh của mặt đối lập được quy định tất yếu về sự thay đổi các mặt đang tác động, làm mâu thuẫn phát triển.

Khi bắt đầu xuất hiện thì mâu thuẫn chỉ là một sự khác nhau cơ bản. Tuy nhiên theo khuynh hướng trái ngược nhau thì sự khác nhau này càng lớn lên và rộng dẫn ra đến khi nào trở thành đối lập.

Khi hai mặt đối lập có sự xung đột gay gắt, đủ điều kiện thì sẽ tự chuyển hóa lẫn nhau và từ đó mâu thuận được giải quyết. Nhờ sự giải quyết theo hướng này mà thể thống nhất mới sẽ thay thế thể thống nhất cũ hay sự vật mới thay cho sự vật cũ bị mất đi.

+ Sự phát triển là cuộc đấu tranh các mặt đối lập.

Ta đã thấy rằng khi có thống nhất của các mặt đối lập thì sẽ có đấu tranh, đấu tranh và thống nhất các mặt đối lập thì không thể tách rời khỏi nhau đối với mâu thuẫn biện chứng.

Sự vận động, phát triển là sự thống nhất trong tính ổn định và tính thay đổi, đấu tranh và thống nhất các mặt đối lập quy định về tính thay đổi và tính ổn định sự vật. Do đó, mâu thuẫn là nguồn gốc của phát triển và vận động.

* Phân tích một số biểu hiện của mâu thuẫn biện chứng đang tồn tại trong xã hội hiên nay

Mâu thuẫn biện chứng giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái:  
Sự phát triển kinh tế , thực chất đó là một quá trình lớn lên (hay tăng tiến ) về mọi mặt của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định. Trong đó , bao gồm cả sự tăng thêm về quy mô , sản lượng và sự tiến bộ về cơ cấu kinh tế- xã hội. Phát triển kinh tế là yếu tố cơ bản, quan trọng nhất của sự phát triển nói chung. Nhưng phát triển kinh tế không phải là mục đích tự thân và cũng không thể là vô hạn. Nó phải phục vụ , thúc đẩy mục tiêu chung của sự phát triển . Chúng ta không nên nhầm lẫn giữa “phát triển kinh tế “và “tăng trưởng kinh tế”. Bởi vì , tăng trưởng kinh tế, theo cách hiểu hiện đại thì đó là việc mở rộng sản lượng quốc gia tiềm năng của một nước, sự tăng lên không ngừng GNP tiềm năng thực. Như vậy, tăng trưởng kinh tế chưa phải là phát triển kinh tế. Tăng trưởng kinh tế , mặc dù rất quan trọng nhưng đó mới chỉ là điều kiện cần của phát triển kinh tế. Điều kiện đủ của phát triển kinh tế là trong quá trình tăng trưởng kinh tế phải bảo đảm được tính cân đối, tính hiệu quả, tính mục tiêu, và tăng trưởng kinh tế trước mắt phải bảo đảm tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Môi trường là toàn bộ những điều kiện mà trong đó con người sinh sống . Trong đó , môi trường tự nhiên là một yếu tố quan trọng , là điều kiện thường xuyên và tất yếu đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Môi trường tự nhiên bao gồm môi trường sinh- địa- hoá học, môi trường sống, … và được gọi chung là môi trường sinh thái Vai trò của môi trường sinh thái ở những giai đoạn lịch sử khác nhau được thể hiện một cách khác nhau. ở trình độ mông muội, khi con người chỉ biết chủ yếu hái , lượm những sản phẩm có sẵn trong tự nhiên thì hầu như con người bị giới tự nhiên hoàn toàn thống trị. Cuộc sống của xã hội phụ thuộc chủ yếu vào môi trường tự nhiên. ở trình độ văn minh cao hơn, nhất là khi khoa học phát triển thì con người đã từng bước chế ngự được tự nhiên, biết khai thác tự nhiên phục vụ cho nhu cầu của mình. Nhiều ngành nghề được hình thành từ những điều kiện có sẵn của môi trường tự nhiên như: nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, … Song nhìn chung , môi trường tự nhiên vẫn giữ vai trò to lớn trong việc tổ chức , phân công lao động, phân bố lực lượng sản xuất và vẫn tạo điều kiện thuận lợi hoặc gây khó khăn cho quá trình sản xuất , do đó ảnh hưởng đến năng suất lao động, đến tốc độ phát triển của xã hội, và do đó ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế ở nước ta.  Đảng và nhà nước ta phải xác định được một số mâu thuẫn tiêu biểu:

Sự tác động tích cực của xã hội vào tự nhiên thông qua quá trình lao động sản xuất:  
Trong quá trình lao động , con người một mặt khai thác những cái đã có sẵn trong tự nhiên , mặt khác tái tạo tự nhiên làm cho bộ mặt tự nhiên biến đổi:Nếu con người tác động vào tự nhiên theo quy luật của nó để tái tạo lại tự nhiên thì bộ mặt tự nhiên ngày càng phong phú, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sản xuất và đời sống của con người , hay nói cách khác là tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế. Nếu con người chỉ biết khai thác những cái đã có sẵn trong tự nhiên , không biết tái tạo lại tự nhiên theo quy luật của nó sẽ làm cho tự nhiên ngày càng nghèo nàn đi , sự cân bằng sinh thái bị phá vỡ . Khi đó sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởngxấu đến đời sống xã hội , con người …và gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến hoạt động kinh tế và sản xuất vật chất:

Một là: Từ những sản phẩm của bản thân tự nhiên con người chế tạo thành nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng,…và cả những tư liệu sản xuất phục vụ cho quá trình sản xuất, lẫn tư liệu tiêu dùng.

Hai là: Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến quá trình phân công lao động xã hội ,phân bố lực lượng sản xuất , ngành sản xuất. Ví dụ: Căn cứ vào sự phân bố tài nguyên mà người ta chia sản xuất thành các khu vực như khu công nghiệp khai khoáng, công nghiệp dầu khí, công nghiệp chế biến, nông nghiệp , ngư nghiệp, … Ngoài ra, điều kiện tự nhiên cũng ảnh hưởng rất quan trọng đến năng suất lao động , hiệu quả , quy mô, tốc độ của nền sản xuất nói chung.

* Đưa ra phương hướng giải quyết
* Giáo dục tư tưởng và ý thức bảo vệ môi trường
* Thông tin cho người bị tác động bởi các vấn đề môi trường biết tình trạng của họ, từ đó giúp họ quan tâm đến việc tìm kiếm các giải pháp khắc phục.
* Huy động các kinh nghiệm, kỹ năng, bí quyết địa phương tham gia vào các  
  chương trình bảo vệ môi trường.
* Thương lượng, hoà giải các xung đột, khiếu nại, tranh chấp về môi trường giữa các cơ quan và trong nhân dân.
* Tạo cơ hội cho mọi thành phần xã hội tham gia vào việc bảo vệ môi trường, xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường .
* Kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa quản lý tài nguyên và môi trường với quản lý kinh  
  tế, quản lý xã hội .
* Sản xuất sạch hơn là mục tiêu hướng tới của các doanh nghiệp
* Xây dựng và thực hiện các quy hoạch và kế hoạch về môi trường chuẩn xác, có tầm nhìn xa, có tính khả thi cao và quy tụ lợi ích của cả hệ thống.

1. **Phân tích quy luật lượng chất trong sự phát triển của sự vật, hiện tượng. Vận dụng giá trị của quy luật trên để nhận thức chiến lược phát triển kinh tế xã hội hiện nay (Việt Nam). Liên hệ bản thân trong học tập và rèn luyện**

Quy luật lượng - chất hay còn gọi là quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại là một trong [ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ba_quy_lu%E1%BA%ADt_c%C6%A1_b%E1%BA%A3n_c%E1%BB%A7a_ph%C3%A9p_bi%E1%BB%87n_ch%E1%BB%A9ng_duy_v%E1%BA%ADt) trong [triết học Mác - Lênin](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tri%E1%BA%BFt_h%E1%BB%8Dc_M%C3%A1c_-_L%C3%AAnin), chỉ cách thức của sự [vận động](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=V%E1%BA%ADn_%C4%91%E1%BB%99ng&action=edit&redlink=1), [phát triển](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1t_tri%E1%BB%83n), theo đó sự phát triển được tiến hành theo cách thức thay đổi lượng trong mỗi sự vật dẫn đến chuyển hóa về chất của sự vật và đưa sự vật sang một trạng thái phát triển tiếp theo

Mỗi sự vật, hiện tượng là một thể thống nhất bao gồm chất và lượng nhất định, trong đó chất tương đối ổn định còn lượng thường xuyên biến đổi. Sự biến đổi này tạo ra mâu thuẫn giữa lượng và chất. Lượng biến đổi đến một mức độ nhất định và trong những điều kiện nhất định thì lượng phá vỡ chất cũ, mâu thuẫn giữa lượng và chất được giải quyết, chất mới được hình thành với lượng mới, nhưng lượng mới lại biến đổi và phá vỡ chất đang kìm hãm nó. Quá trình tác động lẫn nhau giữa hai mặt: chất và lượng tạo nên sự vận động liên tục, từ biến đổi dần dần đến nhảy vọt, rồi lại biến đổi dần để chuẩn bị cho bước nhảy vọt tiếp theo. Cứ căn cứ thế, quá trình động biện chứng giữa chất và lượng tạo nên cách thức vận động, phát triển của sự vật.

Nói ngắn gọn hơn, bất cứ sự vật nào trong quá trình phát triển đều là quá trình biến đổi về lượng dẫn đến biến đổi về chất. Biến đổi về lượng đến một mức nhất định sẽ dẫn đến biến đổi về chất, sản sinh chất mới. Rồi trên nền tảng của chất mới lại bắt đầu biến đổi về lượng. Biến đổi về lượng là nền tảng và chuẩn bị tất yếu của biến đổi về chất. Biến đổi về chất là kết quả tất yếu của biến đổi về lượng. Quy luật biến đổi về chất và lượng cho thấy trạng thái và quá trình phát triển của sự vật.

Chu trình thay đổi

Từ những thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất Trong mối quan hệ giữa chất và lượng thì chất là mặt tương đối ổn định, còn lượng là mặt biến đổi hơn. Sự vận động và phát triển của sự vật bao giờ cũng bắt đầu từ sự thay đổi về lượng. Song không phải bất kỳ sự thay đổi nào về lượng cũng dẫn đến sự thay đổi về chất ngay tức khắc, mặc dù bất kỳ sự thay đổi nào về lượng cũng ảnh hưởng đến trạng thái tồn tại của sự vật. So với lượng thì chất thay đổi chậm hơn. Chỉ khi nào lượng biến đổi đến một giới hạn nhất định (độ) thì mới dẫn đến sự thay đổi về chất, sự vật không còn là nó nữa, một sự vật mới ra đời thay thế nó.

Tại thời điểm lượng đạt đến một giới hạn nhất định để vật thay đổi về chất gọi là điểm nút. Điểm nút là phạm trù triết học dùng để chỉ thời điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng đã đủ làm thay đổi về chất của sự vật.

Khi có sự thay đổi về chất diễn ra gọi là bước nhảy. Bước nhảy là sự kết thúc một giai đoạn biến đổi về lượng, là sự đứt đoạn trong liên tục, nó không chấm dứt sự vận động nói chung mà chỉ chấm dứt một dạng vận động cụ thể, tạo ra một bước ngoặt mới cho sự thống nhất biện chứng giữa chất và lượng trong một độ mới.

Các hình thức cơ bản của bước nhảy. Bước nhảy để chuyển hoá về chất của sự vật hết sức đa dạng và phong phú với những hình thức rất khác nhau. Những hình thức bước nhảy khác nhau được quyết định bởi bản thân của sự vật, bởi những điều kiện cụ thể trong đó sự vật thực hiện bước nhảy.

Dựa trên nhịp điệu thực hiện bước nhảy của bản thân sự vật, có thể phân chia thành bước nhảy đột biến và bước nhảy dần dần. Bước nhảy đột biến là bước nhảy được thực hiện trong một thời gian rất ngắn làm thay đổi chất của toàn bộ kết cấu cơ bản của sự vật. Chẳng hạn, khối lượng Uranium 235(Ur 235)được tăng đến khối lượng tới hạn thì sẽ xảy ra vụ nổ nguyên tử trong chốc lát. Bước nhảy dần dần là bước nhảy được thực hiện từ từ, từng bước bằng cách tích luỹ dần dần những nhân tố của chất mới và những nhân tố của chất cũ dần dần mất đi. Bước nhảy dần dần khác với sự thay đổi dần dần về lượng của sự vật. Bước nhảy dần dần là sự chuyển hoá dần dần từ chất này sang chất khác còn sự thay đổi dần dần về lượng là sự tích luỹ liên tục về lượng để đến một giới hạn nhất định sẽ chuyển hoá về chất.

Căn cứ vào quy mô thực hiện bước nhảy của sự vật có bước nhảy toàn bộ, có bước nhảy cục bộ. Bước nhảy toàn bộ là bước nhảy làm thay đổi chất của toàn bộ các mặt, các yếu tố cấu thành sự vật. Bước nhảy cục bộ là bước nhảy làm thay đổi chất của từng mặt, những yếu tố riêng lẻ của sự vật.

Khi lượng biến đổi đến điểm nút thì diễn ra bước nhảy, chất mới ra đời thay thế cho chất cũ, sự vật mới ra đời thay thế cho sự vật cũ, nhưng rồi những lượng mới này tiếp tục biến đổi đến điểm nút mới lại xảy ra bước nhảy mới. Cứ như vậy, quá trình vận động, phát triển của sự vật diễn ra theo cách thức từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất một cách vô tận. Đó là quá trình thống nhất giữa tính tuần tự, tiệm tiến, liên tục với tính gián đoạn, nhảy vọt trong sự vận động, phát triển.

### Tác động ngược

Sự thay đổi về chất tác động trở lại đối với sự thay đổi về lượng. Lượng thay đổi luôn luôn trong mối quan hệ với chất, chịu sự tác động của chất. Song sự tác động của chất đối với lượng rõ nét nhất khi xảy ra bước nhảy về chất, chất mới thay thế chất cũ, nó quy định quy mô và tốc độ phát triển của lượng mới trong một độ mới. Khi chất mới ra đời, nó không tồn tại một cách thụ động, mà có sự tác động trở lại đối với lượng, được biểu hiện ở chỗ: chất mới sẽ tạo ra một lượng mới phù hợp với nó để có sự thống nhất mới giữa chất và lượng. Sự quy định này có thể được biểu hiện ở quy mô, nhịp độ và mức độ phát triển mới của lượng.

Vận dụng giá trị của quy luật trên để nhận thức chiến lược phát triển kinh tế xã hội hiện nay

Text

Description automatically generated

Text, letter

Description automatically generated

Text

Description automatically generatedText

Description automatically generated with low confidence

**VẬN DỤNG QUY LUẬT TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN (phần này chép đc nhiu chép 😊))**

Tri thức nhân loại rất rộng lớn vì vậy bên cạnh việc phát triển về thể xác, tinh thần còn phải luôn tự mình tiếp thu những tri thức của nhân loại, trước hết là để phục vụ cho bản thân và sau đó là phục vụ xã hội. Tri thức tồn tại dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú, do vậy con người có thể tiếp thu nó bằng nhiều cách khác nhau. Quá trình tích lũy tri thức, kinh nghiệm diễn ra ở mỗi người khác nhau là khác nhau, tùy thuộc vào mục đích, khả năng, điều kiện… của mỗi người. Quá trình tích lũy tri thức của con người cũng không nằm ngoài quy luật lượng chất. Bởi vì, dù nhanh hay chậm thì sớm muộn, sự tích lũy về tri thức cũng sẽ làm con người có được sự thay đổi nhất định, tức là có sự biến đổi về chất. Quá trình biến đổi này trong bản thân con người diễn ra vô cùng đa dạng và phong phú. Với vị trí, vai trò là một học viên cao học, ai cũng phải trải qua quá trình học tập ở các bậc học phổ thông kéo dài trong suốt 12 năm và trải qua quá trình là sinh viên 4 năm đại học trên giảng đường. Trong suốt những năm ngồi trên ghế nhà trường, mỗi học sinh đều được trang bị những kiến thức cơ bản của các môn học thuộc hai lĩnh vực cơ bản là khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Bên cạnh đó, mỗi học sinh lại tự trang bị cho mình những kĩ năng, những hiểu biết riêng về tự nhiên, về cuộc sống và về xã hội. Quá trình tích lũy tri thức (lượng) của mỗi học sinh là một quá trình dài, đòi hỏi nỗ lực không chỉ từ phía gia đình, nhà trường, xã hội mà quan trọng nhất là chính từ sự nỗ lực và khả năng của bản thân người học. Quy luật lượng chất trong quá trình học tập và rèn luyện được thể hiện ở chỗ, mỗi học sinh dần tích lũy cho mình một khối lượng kiến thức nhất định qua từng bài học trên lớp cũng như trong việc làm bài và ôn bài cũng như chuẩn bị bài học mới ở nhà. Việc tích lũy kiến thức sẽ được đánh giá qua trước hết là các bài kiểm tra, các kỳ thi học kỳ và sau đó là kỳ thi tốt nghiệp. Việc tích lũy đủ lượng kiến thức cần thiết sẽ giúp học sinh vượt qua các kỳ thi và chuyển sang một giai đoạn học mới hay một cấp học mới. Như vậy, có thể thấy rằng, trong quá trình học tập, rèn luyện của học sinh thì quá trình học tập tích lũy kiến thức chính là độ, các kỳ thi chính là điểm nút, việc vượt qua các kỳ thi chính là bước nhảy làm cho việc tiếp thu kiến thức của học sinh bước sang giai đoạn mới, tức là có sự thay đổi về chất. Trong suốt 12 năm học phổ thông, mỗi học sinh đều phải tích lũy đủ khối lượng kiến thức và vượt qua những điểm nút khác nhau, nhưng điểm nút quan trọng nhất, đánh dấu bước nhảy vọt về chất và lượng mà học sinh nào cũng muốn vượt qua đó là kỳ thi đại học. Vượt qua kỳ thi tốt nghiệp cấp 3 đã là một điểm nút quan trọng, nhưng vượt qua được kỳ thi đại học lại còn là điểm nút quan trọng hơn, việc vượt qua điểm nút này chứng tỏ học sinh đã có sự tích lũy đầy đủ về lượng, tạo nên bước nhảy vọt, mở ra một thời kỳ phát triển mới của lượng và chất, từ học sinh chuyển thành sinh viên. Cũng giống như ở phổ thông, để có được tấm bằng đại học thì sinh viên cũng phải tích lũy đủ các học phần theo quy định. Tuy nhiên, việc tích lũy kiến thức ở bậc đại học có sự khác biệt về chất so với học phổ thông. sự khác biệt nằm ở chỗ, sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức một cách đơn thuần mà phải tự mình tìm tòi nghiên cứu, dựa trên những gợi ý mà giảng viên đã cung cấp. Nói cách khác, ở bậc đại học, việc học tập của sinh viên khác hẳn về chất so với học sinh ở phổ thông. Từ sự thay đổi về chất do sự tích lũy về lượng ở bậc học phổ thông tạo nên, chất mới cũng tác động trở lại. Trên nền tảng chất mới, trình độ, quy mô nhận thức của sinh viên cũng thay đổi làm cho sinh viên có tri thức cao hơn. Giống như ở bậc học phổ thông, quá trình tích lũy các học phần của sinh viên chính là độ, các kỳ thi chính là điểm nút và việc vượt qua các kỳ thi chính là bước nhảy, trong đó bước nhảy quan trọng nhất chính là kỳ thi tốt nghiệp. Vượt qua kỳ thi tốt nghiệp lại đưa sinh viên chuyển sang một giai đoạn mới, khác về chất so với giai đoạn trước. Tiếp tục để có được tấm bằng thạc sĩ thì học viên cũng phải tích lũy đủ các học phần theo quy định chương trình đào tạo thạc sĩ. Tuy nhiên, việc tích lũy kiến thức ở bậc cao học có sự khác biệt về chất so với học phổ thông và đại học. Ở bậc cao học, việc học tập của học viên khác hẳn về chất so với học sinh ở phổ thông, họ phải tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức một cách chuyên sâu, mức độ cao hơn đại học.

Việc nhận thức quy luật lượng chất trong quá trình học tập và rèn luyện của học sinh sinh viên có ý nghĩa rất to lớn trong thực tiễn hiện nay trong nền giáo dục của nước ta. Thứ nhất cần từng bước tích lũy kiến thức một cách chính xác, đầy đủ. Như chúng ta đã biết, sự vận động và phát triển của sự vật bao giờ cũng diến ra bằng cách tích lũy dần dần về lượng đến một giới hạn nhất định, thực hiện bước nhảy để chuyển về chất và việc học tập của sinh viên cũng không nằm ngoài điều đó. Do đó, trong hoạt động nhận thức, học tập của sinh viên phải biết từng bước tích lũy về lượng (tri thức) làm biến đổi về chất (kết quả học tập) theo quy luật. Thứ hai trong học tập và nghiên cứu cần tiến hành từ dễ đến khó, tránh nóng vội đốt cháy giai đoạn Trong quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên cần tránh tư tưởng tả khuynh, tức là, khi lượng chưa biến đổi đến điểm nút đã thực hiện bước nhảy. Sinh viên khi học đủ những kiến thức cơ bản có sự biến đổi về chất mới có thể học tiếp những kiến thức sâu hơn, khó hơn. Học tập nghiên cứu từ dễ đến khó là phương pháp học tập mang tính khoa học mà chúng ta đều biết nhưng trong thực tế, không phải ai cũng có thể thực hiện được. Nhiều sinh viên trong quá trình đi học tập do không tập trung, còn mải mê vui chơi, dẫn đến sự chậm chễ trong học tập, rồi “nước tới chân mới nhảy” khi sắp thi họ mới tập trung cao độ vào việc học. Giai đoạn ôn thi là lúc ta củng cố lại kiến thức chứ không phải học mới, do đó sinh viên học tập chăm chỉ trong thời gian này không thể đảm bảo lượng kiến thức qua được kỳ thi. Ngược lại có nhiều sinh viên có ý thức học ngay từ đầu, nhưng họ lại nóng vội, muốn học nhanh, nhiều để hơn người khác, chưa học cơ bản đã đến nâng cao. Như vậy, muốn tiếp thu được tri thức ngày càng nhiều và đạt được kết quả cao, thì mỗi sinh viên cần phải hàng ngày học tập, học từ thấp đến cao, từ dễ đến khó để có sự biến đổi về chất. Bên cạnh đó quy luật còn có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý và đào tạo. Thực tế trong nhiều năm qua, giáo dục nước ta còn nhiều hạn chế trong tư duy quản lý cũng như trong hoạt động đào tạo thực tiễn. Việc chạy theo bệnh thành tích chính là thực tế đáng báo động của nghành giáo dục bởi vì mặc dù sự tích lũy về lượng của học sinh chưa đủ nhưng lại vẫn được “tạo điều kiện” để thực hiện “thành công” bước nhảy, tức là lượng kiến thức chưa đủ để vượt qua tốt nghiệp để có bằng nhưng vẫn ra được trường và có bằng. Xuất phát từ việc nhận thức một cách đúng đắn quy luật trên cho phép chúng ta thực hiện những cải cách quan trọng trong giáo dục. Tiêu biểu là việc chống lại căn bệnh thành tích trong giáo dục vẫn tồn tại nhiều năm qua. Bên cạnh đó là việc thay đổi phương giáo dục ở bậc phổ thông và đào tạo đại học. Việc chuyển từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ và cho phép người học được học vượt tiến độ chính là việc áp dụng đúng đắn quy luật lượng chất trong tư duy con người.